

053

Đinh Mùi
(Phật Lịch 2511)

ANANDA PEREIRA

LẤN TRÁNH THỰC TẾ
(Escape To Reality)

HỘI PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VIỆT NAM

**LẤN TRÁNH THỰC TẾ
(ESCAPE TO REALITY)**

Tác giả

Ananda Pereira

Dịch giả

Phạm Kim Khánh

XUẤT BẢN NĂM ĐINH MÙI – PHẬT LỊCH 2511

MỤC LỤC

| | |
|---------------------------------|----|
| Lời nói đầu | 5 |
| Sống hay chết | 6 |
| Bạn đã trưởng thành chưa? | 9 |
| Người sẵn sàng | 12 |
| Vinh quang | 15 |
| Quyền thế và tự do | 18 |
| Bồ thí | 20 |
| Tán dương và khiển trách | 22 |
| Sân hận | 25 |
| Độ thực | 28 |
| Nghi thức | 31 |
| Sợ sệt | 34 |
| Thoát ra khỏi cái sợ | 36 |
| Tinh thần quốc gia | 38 |
| Danh từ | 40 |
| Si mê | 43 |
| Năng lực của chân lý | 46 |
| Con đường hạnh phúc | 49 |
| Xuất gia | 52 |
| Vắng lặng | 54 |
| Nhiệt tâm | 56 |

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân ngày Rằm tháng bảy Đinh-Mùi (20.8.67) toàn thể phật tử hội viên Hội Phật Giáo Nguyên Thủy ấn tống quyển “Lẩn Tránh Thực Tế” nhằm tạo một Pháp thí cao thượng để hồi hướng đến thân nhân quyến thuộc quá vãng.

Cầu xin quả phúc này nâng đỡ chư thân nhân và hội viên quá cố được siêu thoát lên các cảnh giới yên vui, hầu tiếp tục tu hành cho mau đến đạo quả Niết Bàn.

Toàn thể thí chủ cũng thành tâm hồi hướng pháp thí này đến hương linh của:

Hai vị Cao Tăng đã dày công xây dựng giáo phái Phật Giáo Nguyên Thủy từ buổi sơ khai là Đại Đức Tối Thắng và Đại Đức Giác Quang, và hai vị Hội viên sáng lập kỳ cữ của bốn hội là: Bà Đoàn Văn Quờn và cụ Lâm Ngọc Bút.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

SỐNG HAY CHẾT

Người điên rồ bị hành động của chính mình thiêu đốt như một đám hỏa hoạn tàn khốc.

Pháp Cú Kinh

Trong hai bài diễn văn đọc tại Oslo, khi được trao tặng giải thưởng cao quý về những hoạt động cho hòa bình, bậc vĩ nhân đầy lòng nhân đạo, Bác sĩ Albert Schweitzer nói:

“Chúng ta phải ứng phó thực tế. Con người đã trở thành siêu nhân. Nhờ khoa học và các tiến bộ kỹ thuật, chẳng những con người đã sáng tạo và điều khiển những năng lực vật chất theo ý mình mà lại còn kiểm soát những tiềm năng thiên nhiên. Tuy nhiên, các bậc siêu nhân ấy vẫn còn một khuyết điểm không thể tránh là không tự mình vươn lên được đến trình độ lý trí siêu nhân, tương xứng với sự hùng mạnh siêu nhân.”

Đó là một lời tuyên bố hùng biện. Những năng lực tiềm tàng của thiên nhiên mà con người hiện đã kiểm soát sẵn sàng phục vụ con người mà cũng sẵn sàng tiêu diệt con người. Như một lưỡi dao cạo, tuy vô tri vô giác, nhưng thật sự có hiệu năng. Chính con người phải quyết định dùng nó vào việc gì. Để cạo râu hay để tự cắt lấy cuốn họng. Lưỡi dao thì bất chấp, không cần, thần nhiên, lạnh như tiền.

Chúng ta có thể tự vươn mình đến trình độ lý trí siêu nhân cần thiết để sống sót trên hành tinh này không? Ta có đủ trưởng thành để nhận định rằng chúng ta không thể tiêu diệt lẫn nhau mà không tự diệt chẳng? Bao nhiêu sự việc trong đời tùy thuộc nơi lối trả lời những câu hỏi trên. Chính những lối trả lời ấy tạo nên sự khác biệt giữa hai cảnh: “thiên hạ một nhà” và “năm mò chung của nhân loại”.

Ta không khỏi cảm nghĩ rằng các nhà bác học với những tiến triển kỹ thuật, đã đưa quá sớm vấn đề này vào nhân loại. Những phán quyết tối quan trọng, đáng lẽ phải do người thật sự trưởng thành định đoạt, lại nằm trong những bàn tay non nớt. Trong bao nhiêu lời tuyên bố của các chánh trị gia có quyền hành, khó tìm thấy ánh sáng trí tuệ, hay như bác sĩ Schweitzer gọi, một “trình độ siêu nhân”. Thịnh thoảng con người quen suy ngẫm phải lấy làm khùng khiếp kinh ngạc nghe những lời lẽ ấu trĩ của các cấp lãnh đạo. Khi nói đến chiến tranh, vài nhà lãnh đạo trên thế gian hình như còn hình dung những đoàn kỵ mã, những pháo đài và rừng cờ phát phới của đám quân xung phong. Họ vẫn còn đề cập đến chiến tranh như một phương tiện “để tạo một thế gian an toàn và thái bình”, theo học thuyết này hay chủ nghĩa kia, hay một lý tưởng khác nữa. Hình như họ đã quên rằng nếu có một chiến tranh nữa xảy ra trên phạm vi rộng lớn, thì những người còn sống sót sẽ không có thì giờ để thắc mắc với học thuyết và chủ nghĩa. Chừng đó chỉ sẽ chỉ còn lại một thế gian rộng lớn đầy đầy sự chết chóc và đau độc, và con người sẽ có nhiều việc cấp bách hơn để lo nghĩ.

Đức Phật nói: “*người thế gian thật là điên rồ*”, và chúng ta có thể chấp nhận điều ấy như một chân lý giản dị. Nếu còn ngờ vực, ta chỉ cần mở ra một tờ báo hoặc vắn lên máy thu thanh. Tờ báo có thể xuất xứ từ phương trời nào, làn sóng điện có thể phát đi từ đâu, cũng là một chứng minh hùng hồn cho lời nói trên. Những kiểu chữ thật đẹp, những giọng nói rành mạch, nói lên rõ ràng bằng những danh từ không thể lầm lẫn được, rằng con người làm đủ tất cả mọi việc, ngoại trừ suy gẫm.

Nhưng đến bây giờ thì ta phải suy gẫm. Quay lưng lại với vấn đề sống còn của nhân loại và tìm nơi ẩn náo trong một loại nha phiến tinh thần hay vật chất nào thì thật rất dễ dàng. Nhưng làm như vậy không phải là giải quyết. Ta phải ứng phó thực tế. Nhân loại phải trưởng thành, bằng không sẽ tiêu diệt. Trưởng thành

thật mau hay tiêu diệt nhanh chóng. Không còn nhiều thì giờ nữa. Ta phải dẹp qua một bên tất cả những học thuyết, những chủ nghĩa chỉ thúc dục ta tiêu diệt những kẻ không đồng ý với ta. Hãy loại bỏ những thứ tâm hồn yêu nước chỉ nhìn người quốc gia khác bằng cặp mắt căm thù và ngờ vực. Từ nay ta hãy nhìn nhau như những con người cùng chia nhau sống trong một thế gian. Phải khởi sự ngay từ giờ phút này. Nếu không thì quá trễ. Nhưng làm cách nào để đạt đến mức trưởng thành tinh thần?

Trên 2.500 năm về trước, Đức Phật đã vạch cho ta lối đi. Ngày dạy cho từng cá nhân. Những cá nhân biết suy gẫm, nhưng lời kêu gọi của Ngài vẫn thích hợp cho toàn thể nhân loại. Ngày dạy: *“Tất cả đều vô thường. Không nên luyến ái. Hãy tiến hành và trở nên tự do”*.

Từ bao giờ, chỉ có một trận giặc là chiến tranh chống tham ái. Tham ái về đất đai, về thương mại, về quyền lực, về tất cả những hiện tượng tạm bợ, vô thường của đời sống. Tham ái chỉ đưa đến tranh chấp và hận thù. Hãy tiến hành, thì mọi tranh chấp sẽ chấm dứt. Hãy nghĩ đến người khác như một chúng sanh, một người không có gì đáng cho mình dành, ngoại trừ hạnh phúc chung, thì mọi tranh chấp sẽ chấm dứt. Hãy giúp đỡ họ, đó là ta tự giúp lấy ta. Không cần biết họ nói tiếng gì, không cần biết chánh kiến họ như thế nào. Ta cùng với họ chung sống trên một hành tinh, cùng thở một thứ không khí, cùng cần dùng một loại vật thực. Ta không thể tiêu diệt họ và sống sót. Số phận của ta và của họ nối liền nhau.

BẠN ĐÃ TRƯỞNG THÀNH CHƯA?

Nếu từ khước một hạnh phúc con con mà có thể đạt một hạnh phúc to lớn hơn thì bậc thiện trí thức bỏ cái nhỏ để hướng về cái lớn.

Pháp Cú Kinh

Cái khả năng từ khước hạnh phúc nhỏ bé và cấp thời để tạo hạnh phúc to lớn hơn trong tương lai là dấu hiệu của sự trưởng thành. Rất ít trẻ con có, nhưng em nào có khả năng ấy thì thật sự em đã trưởng thành hơn nhiều người lớn. Nó có nghĩa là linh quan sáng suốt phán đoán đúng và tự kiểm soát, tự làm chủ lấy mình, những biểu tượng của một cái tâm trưởng thành.

Rất nhiều người sống trọn đời mà không bao giờ trưởng thành. Họ cảm thấy không thể vững lòng cương lại sức quyến rũ của những khoái lạc cấp thời. Dưới sự hướng dẫn khôn ngoan và sự kiểm soát của các bậc niên trưởng tinh thần, họ có thể từ bỏ thú vui tạm bợ ấy để cố gắng thu mình vào một nếp sống khả dĩ đem lại nhiều hạnh phúc to lớn hơn trong tương lai, nhưng họ không thể tự mình chọn lấy con đường đó. Vì lẽ họ có đủ tự do và cơ hội cần thiết để quyết định nên họ lãng phí thì giờ và năng lực để chạy theo hạnh phúc cấp thời, mặc cho tương lai định đoạt.

Đối với hạng người này, cần phải tinh tưởng một thân linh siêu phàm. Họ cũng như trẻ con, cần phải có cha mẹ khôn ngoan theo dõi, bảo vệ và hướng dẫn, ban thưởng những điều hay, điều giỏi, hình phạt những lỗi lầm, khuyến khích những cố gắng và la rầy những khi lười biếng.

Tuy nhiên, như Isgeroll nói, trong Thiên Nhiên không có thưởng cũng không có phạt. Chỉ có hậu quả. Người kia trồng một cây ăn trái, săn sóc cẩn thận, đầy đủ, và nhẫn nại trông chờ. Cây trở trái, không phải vấn đề “ban thưởng”.

Người ấy có thể chết trước khi trái trở, hay vì một biến đổi bất ngờ, trái có thể không ăn được. Trái trở không phải để tưởng thưởng người trồng cây. Đó chỉ là một sự kiện dĩ nhiên. Cùng thế ấy, người nọ nuôi một con chó nhỏ mà không biết tập. Khi nó lớn lên, trở thành hung dữ quạ quọ. Con chó có thể cắn chủ, có thể không cắn. Nhưng nếu có cắn thì cũng không phải là để phạt chủ nó về cái tội không biết dạy dỗ nó. Đó chỉ là hậu quả dĩ nhiên của một phương pháp huấn luyện sai lầm.

Đối với người phật tử, tất cả hiện tượng đều là hậu quả. Hiện tượng có thể là hạnh phúc hay khổ não, đau đớn hay vui sướng. Người phật tử không xem đó là sự thưởng hay phạt của một siêu nhân tối thượng, mà chấp nhận như là hậu quả của cái nghiệp của mình, của những hành động, những tư tưởng mình trong quá khứ. Người phật tử đứng vững trên hay chân và yên tâm uốn nắn số phận mình trong hiện tại và tương lai. Đó là tôn giáo của người trưởng thành, một tôn giáo quá tự do và thiếu sự che chở đùm bọc đối với những tâm linh kém thuần phục. Trái lại, đối với những người trưởng thành, đó là lối sống duy nhất hợp lý và có thể chấp nhận được.

Người phật tử chấp nhận giáo lý chủ trương trách nhiệm cá nhân và thẳng thắn, thành thật ứng phó đời sống. Người phật tử có thể theo đuổi những lạc thú nhỏ nhoi của nhục dục ngũ trần, hoặc nếu linh quan sáng suốt, phán đoán đúng, và tự kiểm soát đầy đủ, có thể từ khước những thú vui còn con để hướng về “một cái gì” vô cùng cao quý hơn. “Cái gì” ấy là gì? Là tiến bộ tinh thần, là linh quan sang suốt hơn, phán đoán càng đúng hơn, càng ngày càng tự chủ hơn, và hơn nữa, đến sau cùng, như chư vị A-La-Hán, tới chỗ tuyệt đỉnh của lịch trình tiến hóa tinh thần, đạo quả Niết Bàn. Đó là con đường mà chư Phật đã vạch. Con đường ấy không phải dễ đi mà cũng không phải là ngắn. Phần đông chúng ta còn phải đi thật xa. Tuy nhiên, chúng ta phải đi trên con đường ấy và khởi hành càng sớm thì càng mau đến đích. Không

nên đợi chờ nhiều kiếp sống nữa để bắt đầu cuộc hành trình. Không nên mê hoặc tin rằng nếu ta nhận nại tin tưởng nơi một ngoại nhân nào thì sẽ được ban hạnh phúc trường cửu. Không nên hành động như những đứa bé bần thiu, vẫn vờ đợi chờ cha mẹ hay bà vú đem đi tắm rửa, thay quần áo và đặt lên giường. Làm như thế ấy ta phải đợi chờ mãi mãi.

NGƯỜI SẴN SÀNG

Chính ta phải cố gắng, chứ Phật chỉ là những vị hướng đạo. Hành giả nào đi đúng “Con Đường” đã thoát khỏi đây trời buộc của Ma Vương.

Pháp Cú Kinh

Phật Giáo không phải là lớp đường bọc ngoài viên thuốc đắng “đời sống”. Phật giáo không bao giờ chủ trương rằng cái chết là cánh cửa để mở vào cảnh giới hạnh phúc vĩnh cửu, không hứa hẹn sự cứu rỗi dễ dàng để đánh đổi lấy một đức tin. Phật Giáo dạy phải tự nương tựa nơi mình, và dạy một ý niệm về trách nhiệm cá nhân.

Không có vị giáo chủ nào, dầu từ bi và trí tuệ đến đâu, mà có thể dạy được một người không chịu học. Khi thực hành trọn vẹn mười Pháp Ba-La-Mật, người có nguyện vọng trở thành Phật phát triển những đức tánh cần thiết để trở thành vị Vô Thượng Thiên Nhân Sư. Như vậy không có nghĩa là bỏ tất rửa sạch tội lỗi, những hành động hung ác và điên cuồng, của người khác, mặc dầu nhiều lần ngài đã hy sinh mạng sống trong thời gian chuẩn bị dài đằng đằng này. Không có ai, dầu cao siêu và giàu long từ ái đến đâu, mà có thể gọi rửa những lỗi lầm của kẻ khác. Điều duy nhất mà ta có thể làm được là tự cải thiện. Trong trường hợp của Bồ Tát, người có nguyện vọng và cố gắng trở thành Phật, tiến trình của sự tự cải thiện vượt xa lên, ngoài mức cần thiết để tự cứu rỗi. Ngài còn cứu độ kẻ khác, cứu độ ở đây chỉ có nghĩa là dạy người khác tự cứu lấy họ.

Lời dạy có vẻ quá nghiêm khắc, nhưng thật ra rất hợp lý và thích ứng với đời sống thực tế. Ta không thể ăn cho người khác no. Không thể tập bơi để người khác biết lội. Không giữ mình cho người khác được khỏe mạnh. Cùng thế ấy, ta không thể gọi rửa

những hành động hung ác và điên cuồng của người khác. Mỗi người phải trả cái nợ của mình đã vay và uồn nấn tương lai mình. Cho đến Đức Phật cũng chỉ có thể vạch con đường cho ta mà thôi.

Đức Phật là một vị Thầy, trong ý nghĩa chánh đáng và cao quý nhất của danh từ. Giá trị của Ngài không thể có một giới hạn. Xuyên qua vô số chu kỳ, từ kiếp sống này đến kiếp sống khác, chúng sanh sống trong đêm tối, cố bám lấy một tà kiến này hay một thành kiến sai lầm khác, sống, chết và sống trở lại, triền miên, mãi mãi. Khi thì ở trong cảnh giới hạnh phúc, lúc thì trong khổ cảnh. Nhưng không bao giờ ta được biết phải làm thế nào để thoát ra khỏi vòng lẩn quẩn.

Rồi, như buổi bình minh tươi sáng của một ngày vinh quang rực rỡ, một vị Phật xuất hiện. Ngài vạch cho ta con đường đi đến tự do. Một vài người vội vã thọ huấn và liền được thương. Các vị ấy là những người sẵn sàng, như chư vị A-La-Hán thời Đức Phật. Đối với các Ngài, một bài kệ, một câu kinh, một phật ngôn cũng có thể là đủ. Những người khác học chậm hơn. Cũng có người không chịu học gì hết. Họ chưa được chuẩn bị đầy đủ để thọ hưởng Phật Pháp. Cũng như một em bé lớp mẫu giáo chưa được chuẩn bị đầy đủ để lãnh hội thuyết Tương Đối.

Ai là người sẵn sàng để thọ hưởng tức khắc khi có một vị Phật xuất hiện?

Theo lời dạy của Đức Phật, các vị ấy là những người trầm tư đã có hành thiền. Đã lâu rồi, có lẽ trong nhiều kiếp sống, các Ngài đã suy gẫm rõ ràng và đã triển khai trí tuệ. Đối với các Ngài, thực hành giáo lý của Đức Phật là một niềm vui, một hạnh phúc. Các Ngài không khao khát ước mong những cái mà ta gọi là phần thưởng của đời sống, như sự nghiệp, quyền thế, những tiến bộ trong thế gian mà bao nhiêu người say mê đắm đuối. Các Ngài nhận thấy giá trị cao quý hơn trong tâm trạng vắng lặng,

trong sự tri túc và tự do. Các Ngài đi dễ dàng trên “Con Đường” và cắt đứt mọi sự trói buộc của Ma Vương, của tham ái, sân hận và si mê. Các Ngài đã thoát tục, siêu phàm.

VINH QUANG

*Cao quý hơn quyền bá chủ trên thế gian,
Cao quý hơn đời sống trên các cảnh trời,
Cao quý hơn chinh phục vũ trụ,
Là đạo quả của bước tiến Nhập Lưu.*

Pháp Cú Kinh

Người thế gian tìm vinh quang trong những thành công của thế gian. Chúng ta thấy bậc đế vương đang trị vì là vinh quang, triệu phú là vinh quang, một nghệ sĩ kịch trường nổi danh, một bác sĩ, một trạng sư hay một họa sĩ lỗi lạc, là vinh quang. Chúng ta đo lường sự vinh quang bằng cây thước quyền thế và danh vọng của thế gian.

Đối với Đức Phật, vinh quang là một cái gì hoàn toàn khác hẳn. Ngài đã thấy chúng sanh chết và tái sanh tùy theo Nghiệp quá khứ. Ngài biết rằng một hoàng đế, sau khi chết cũng có thể tái sanh vào cảnh thú. Ngài thấy rằng trong thế gian luôn luôn biến đổi này, những quyền lực phàm tục không bao giờ được ăn toàn, những danh vọng phàm tục không bao giờ được bền vững. Cái chết cũng đến với người quyền thế và người danh vọng y hệt như nó đến với kẻ cô thân và hạng vô danh, không ai biết đến. Và khi chết thì bao nhiêu quyền lực, của cải sự nghiệp và bao nhiêu danh vọng, quyền thế đều phải bỏ rơi lại. Đó là một việc đã lặp lại nhiều lần. Nhìn trên cái bối cảnh vô thường, luôn luôn biến đổi, thì không có sự vinh quang nào của thế gian này là thực. Chính tâm mắt chúng ta cũng có thể thấy như vậy, nếu ta thâm nhuần giáo lý của Đức Phật và cố gắng suy gẫm. Nhưng rất ít người chịu khó làm như vậy. Vì thế, Đức Phật dạy rằng: “Thế gian này mù quáng”. Rất ít chúng sanh thật sự thấy.

Bây giờ, nếu thấy rõ thực tướng của sự vật, ta không thừa nhận có sự vinh quang còn con con nào trong quyền thế, danh vọng và

những thành công phàm tục này thì nên kết luận rằng chẳng có chi là vinh quang cả chẳng?

Đức Phật trả lời rằng có, và Ngài chỉ những vị đã bước vào dòng suối chảy đến đạo quả Niết Bàn, những vị Nhập Lưu hay, theo danh từ Phật Giáo, chư vị Tu-Đà-Hườn, và Đức Phật dạy rằng những vị ấy vinh quang và vô cùng cao quý hơn các bậc đế vương, các vị trời, dầu là trời Phạm Thiên. Trên đạo quả Tu-Đà-Hườn còn thêm ba bậc thánh đạo và thánh quả nữa để đến mức giải thoát hoàn toàn, chúng ngộ đạo quả A-La-Hán.

Tại sao?

Một vị Tu-Đà-Hườn có thể là một người nghèo, không danh vọng không ai biết đến. Đứng về phương diện thế gian thì các Ngài có thể là hạng người mà không ai màn đêm xía đến. Vậy thì vinh quang ở điểm nào? Cái vinh quang của các Ngài là đạt đến mức tiến không còn thoái bộ nữa. Không bao giờ các Ngài còn mê lầm chấp nhận có một linh hồn? Không bao giờ còn hoài nghi về con đường giải thoát. Không bao giờ tin tưởng nơi những nghi lễ suông. Không bao giờ còn phạm một lỗi lầm nào trong năm giới căn bản. Không bao giờ các Ngài còn phải tái sanh vào một cảnh giới thấp hơn cảnh người. Các Ngài phải còn tái sanh nhiều nhất là bảy lần, trước khi chứng quả Niết Bàn. Một vị Tu-Đà-Hườn cũng giống như người vượt qua sa mạc, nhìn xa xa thấy dạng mức đến của cuộc hành trình khủng khiếp. Cát vẫn còn thiêu đốt chân, ánh nắng mặt trời vẫn còn đè nặng trên đầu, khách lữ hành rất là mệt mỏi, đói khát. Tuy nhiên, ở phía trước, cây to bóng mát, ao đầm nước trong đã nằm trong tầm mắt. Khách hân hoan rảo bước, yên trí rằng mức đến sẽ không còn bao xa. Người đã tiến đến trình độ này không bao giờ chịu đổi lấy một cái gì ở thế gian, dầu đáng giá bao nhiêu, để phải còn lang thang, tuyệt vọng, lạc loài giữa sa mạc mênh mông. Người kia có thể giàu sang quyền quý, ăn mặc đẹp đẽ, đi

đâu thì tiền hô hậu ủng. Người ấy chỉ có thể đáng thương hại.
Con đường của người ấy phải đi còn xa, xa lắm mới đến đích.

QUYỀN THẾ VÀ TỰ DO

Đã lâu rồi, và rất nhiều lần trong những kiếp sống liên tục trong vòng luân hồi, hạng phàm nhân chúng ta chạy theo quyền thế. Quyền lực có sức hấp dẫn mãnh liệt. Ta muốn thành vĩ nhân. Ta muốn thực hiện những công trình vĩ đại. Ta muốn kiểm soát tất cả những gì ở xung quanh ta. Nhưng người muốn tự mình kiểm soát lấy mình thì thật hiếm hoi.

Nếu có ai hỏi người trí tuệ: “Ông sẽ làm gì nếu được ban cho quyền làm bá chủ thiên hạ” thì vị ấy trả lời: “Lẽ dĩ nhiên là tôi sẽ từ chối”. Bởi vì người trí tuệ không tìm quyền thế. Quyền lực không có ảnh hưởng nào đối với người trí tuệ. Bao nhiêu người trong chúng ta có trí tuệ? Chúng ta đi tìm thế lực tưởng tượng rằng đó là chìa khóa để mở cửa vào cảnh giới hạnh phúc. Chúng ta cố gắng tận dụng tất cả năng lực để đạt quyền thế cho kỳ được, và nếu được, thường ta lạm dụng nó.

Người có trí tuệ thì chỉ cố gắng làm chủ chính mình vì nhận định rằng đó là con đường đi đến “Tự Do”. Đạo quả Tu-Đà-Hườn là nấc đầu tiên trong các thánh quả. Đó là ngưỡng cửa của Tự Do. Người đã bước chân vào dòng suối của các bậc thánh đã vượt qua khỏi những ham muốn, những ước mơ ở thế gian đã dứt khoát một cách toàn vẹn những khát vọng quyền thế.

Các chánh trị gia, những người ôm ấp trong lòng một tham vọng về quyền thế, đôi khi cũng đề cập đến tự do như một cái gì có thể mua được bằng lá phiếu, hay có thể đạt được bằng một ván bạc đẫm máu như một cuộc cách mạng. Tuy nhiên, dầu các người ấy có tuyên bố như thế nào, không thể có sự giải thoát tập thể, không thể từng đoàn người đạt tự do cùng một lúc. Không bao giờ có thể có. Trong đám đông nhân loại, mỗi người như thế nào là tùy theo người ấy đã như thế nào trong quá khứ. Và trong hiện tại, hình như chúng ta đang đứng kề bên vực thẳm của khổ cảnh. Rất có thể là từ đám đông, mỗi người chúng ta sẽ lao mình

xuống vực thẳm và sẽ đau khổ chịu đựng những hậu quả của nó trong một thời gian. Những trường hợp tương tự đã xảy ra nhiều lần và có thể còn lặp lại nhiều lần khác, vì đó là mẫu chuyện vô cùng tận của nhân loại vô minh.

Nhưng, từng cá nhân một, vẫn có cơ hội để đạt Tự Do. Đó là Chân Lý thâm diệu và vinh quang mà Đức Phật đã dạy. Tự Do không phải là hậu quả của một quyền thế phàm tục mà là kết quả của Giới, Định và Tuệ. Trên con đường giải thoát, quyền lực cũng đến như một sản phẩm phụ, một thứ quyền năng lạ lùng mà người phàm không khi nào mơ ước đến. Nhưng đó không phải là mục tiêu duy nhất và tối hậu. Đức Phật có quyền năng vô lượng. Chư vị A-La-Hán cũng vậy. Các Ngài chỉ dùng những quyền năng ấy để giúp đỡ người khác. Không khi nào để thống trị.

BỒ THÍ

Bồ thí là một cái gì khác, nhiều hơn là sự cho ra suông. Đức quảng đại phải xuất phát từ đáy lòng, phải bắt nguồn từ tình huynh đệ và có thể biểu hiện dưới trăm ngàn hình thức. Bồ thí là một phẩm chất của tâm hồn vĩ đại.

Bồ thí không có tính cách bảo bọc người khác. Không có sự ban bố, cũng như không có sự thọ ơn, giữa người cho ra và người nhận lãnh. Bồ thí hoàn toàn trong sạch và tinh khiết, không có mảy may ản ý. Hai đàng, cả người cho lẫn người nhận, đều được tự do trọn vẹn.

Từ tình huynh đệ phát sanh, đức quảng đại phát triển song song mật thiết với tình thương, với thiện cảm. Người quảng đại rất lịch sự. Nếu trong buổi họp mặt vui vẻ mà có ai thuật một câu chuyện lý thú, được nhiều người để ý và khen ngợi, thì người có lòng quảng đại không tìm một câu chuyện khác, lý thú hơn, để người ta chú ý đến mình, quên người kia. Trong sự cho ra, người quảng đại cũng rất tế nhị. Nếu người bạn nghèo vừa thưởng một đứa con ngoan cái máy ảnh rẻ tiền thì người có lòng quảng đại không vội mua cho em bé ấy một cái máy ảnh mắc tiền hơn. Vì như vậy có thể làm khỏa lấp giá trị của phần thưởng kia.

Bồ thí cũng không phải cho ra những sở hữu vật chất mà thôi. Cũng có thể bồ thí sự hiểu biết, sự khôn khéo, năng lực, hay thì giờ. Cũng có thể bồ thí trong khi nghĩ hay nói đến một người khác. Trong khi phê bình một người mà quyền lời không đụng chạm đến ta hay nghề nghiệp không cạnh tranh với ta thì vẫn còn dễ cho ta phát biểu những ý tưởng quảng đại. Một luật sư có thể dễ dàng hết lời tán dương một ông bác sĩ hay một điều khách gia, nhưng thế thường, rất dè dặt khi phải ngợi khen một luật sư khác.

Cũng có thể quảng đại trong thái độ của ta trước những lời đồn đãi dèm pha. Có người được coi là quảng đại mà vẫn sẵn sàng tin những lời nói xấu người khác, dầu người đó là bạn. Khi nghe thuật lại chuyện xấu của ai thì họ liền vội vã chụp lấy để chuyển sang người khác và, trong khi trao lại, không quên thêm vào đấy chút gì nữa. Người như vậy không thể thật sự quảng đại. Sâu kín trong lòng, họ vẫn tầm thường, nhỏ nhen. Những hành động quảng đại của họ chỉ là một sự bỏ vốn làm ăn. Tỏ tình thương và thiện chí giúp đỡ kẻ khác trong kiếp sống hiện tại với ý mong muốn hưởng lợi trong một kiếp vị lai.

Người thật sự quảng đại cho ra mà không theo đuổi vật bỏ thí. Có thể giúp người trong vật chất hay tinh thần, hay bằng thì giờ, người thật sự quảng đại không hề ước mong được đền đáp. Bỏ thí. Cho ra. Rồi thôi. Không còn gì khác nữa. Và nếu người thọ hưởng nhận lãnh vật bỏ thí như một việc phải có, như mình bắt buộc phải giúp đỡ họ thì người quảng đại không lấy làm chua cay như người thường. Người ta có thể nghĩ rằng hành động như vậy là phải chịu thiệt thòi vô lý. Nhưng nghĩ vậy là lầm. Người có lòng quảng đại vẫn tiến bước trên con đường của mình, và mỗi lần bỏ thí là vững mạnh và tự do hơn một bậc. Nếu có ai ích kỷ lợi dụng lòng quảng đại của mình thì họ cũng đi trên con đường của họ, và mỗi lần như vậy là họ trở nên yếu hèn hơn và bị ràng buộc thêm lên một bậc. Cũng vì những hành động tương tự trong quá khứ mà có người sanh ra được giàu sang và tự do, có kẻ lại nghèo hèn và nô lệ. Người quảng đại không có mất gì hết. Người ích kỷ, lợi dụng đức khoan hồng, cũng không thêm được gì hết.

Nếu không có ai quảng đại thì thế gian này hẳn là đen tối và trống không. Cũng không thể có Phật Pháp, vì Phật Pháp là sự biểu hiện cao thượng nhất của đức quảng đại. Phật Pháp là món quà mà Đức Phật bỏ thí cho nhân loại, là món quà Chơn lý, Ánh Sáng, Tự Do.

TÁN DƯƠNG VÀ KHIỂN TRÁCH

Cũng dường như tảng đá to trước cơn gió lốc. Bậc thiện trí thức không bao giờ xao động vì những lời tán dương ca ngợi hay khiển trách chê bai.

Pháp Cú Kinh

Câu Pháp Cú trên đây có thể áp dụng trọn vẹn cho một vị A-La-Hán. Tuy nhiên, hạng thường nhân cũng có thể hành pháp cao siêu ấy đến mức độ nào. Người khôn ngoan không dễ gì bị một lời khen hay một tiếng chê của thế gian làm dao động. Bậc thiện trí thức biết suy gẫm, biết nhận định đâu là lợi ích và vững lòng tiến bước trên con đường của mình.

Hình như đã là một thói quen, người thế gian không khiển trách hay tán dương một hành động vì cái giá trị cố hữu của nó. Trường hợp một luật sư chẳng hạn. Người ta nói vị luật sư ấy giỏi hay dở là do những trường hợp mà vị ấy biện hộ thắng hay thua. Đại chúng không thể nhận định được chân giá trị của ông. Có thể ông rất thông minh và cần mẫn, nhưng rủi gặp phải một loạt các trường hợp không may là ông phải mang tiếng bất tài. Trái lại nếu biện hộ liên tiếp cho vài thân chủ được kiện là ông sẽ nổi tiếng. Trong phần lớn các ngành sinh hoạt khác cũng vậy. Những cố gắng của nhân loại chỉ được xét đoán qua kết quả của nó.

Con người kém khí lực sẵn sàng chấp nhận sự kiện ấy và ép mình sống trong khuôn khổ. Họ thêm muốn thành công, những thành công của thế gian, và tận lực cố gắng để thành tựu khát vọng. Họ biết rằng thế gian không cần tìm hiểu chân giá trị của họ. Như vậy họ mua cái thành công của họ bằng đồng tiền giả. Họ tưởng được chú ý đến trong cái mà đại chúng được cho là lý thú. Họ tưởng như vậy là họ thương người và sẽ được người

giúp. Họ tưởng như vậy là họ ở đúng nơi, mặc đúng y phục, làm đúng việc. Và họ thành công. Rất ít có người chịu khó quan sát và thí nghiệm đồng tiền giả. Tuy nhiên không bao giờ họ vượt lên đến cấp lãnh đạo, đầu trong những sinh hoạt ở thế gian. Muốn lãnh đạo phải có đủ khí khái, đủ can đảm để đôi khi dám đi một mình, phải có những tư tưởng riêng của mình.

Lẽ dĩ nhiên, kỳ khôi không phải là khí khái. Ta có thể ngăn cản dễ dàng không cho người kỳ khôi làm một việc gì bằng cách “chỉ huy”, bắt buộc họ phải làm điều ấy. Người khí khái không bị vướn mắc trong chiến thuật này. Người khí khái không cần ta nghĩ mình là thế nào. Thiên hạ có thể cho mình là cứng cỏi, độc lập, hay yếu đuối, ươn hèn. Người có khí lực nhất định đi trên con đường đã chọn, đâu có bị bắt buộc thế nào. Chính trong đức khí khái có sự tự do.

Phần đông chúng ta bị ảnh hưởng sâu xa của những ước đoán người ta sẽ nghĩ thế nào về mình. Chúng ta phán xét người xuyên qua hoàn cảnh của chính mình. Nếu ta khâm phục và hâm mộ vài đức tính như sự khôn khéo, sự vui tính, hay lòng quả cảm thì ta ước đoán rằng người khác cũng khâm phục và hâm mộ các đức tính trên như vậy. Và ta cố làm ra vẻ như ta cũng có những đức tính ấy. Làm ra vẻ có nghĩa là kèm hãm, ép buộc, luôn luôn cố gắng, không dám ngừng nghỉ, không dám để lộ bản chất tự nhiên. Chúng ta cố làm ra vẻ giống một vài lý tưởng thay vì thẳng thắn chấp nhận rằng đó chỉ là lý tưởng, ta vẫn còn cách xa lý tưởng ấy, nhưng ta đang cố gắng đạt đến.

Bậc thiện trí thức có một căn bản liêm khiết, ngay thật, khinh thường những cái giả dối bề ngoài. Đó là sức mạnh, là khí khái, là cái khả năng để giữ mình trong đối không xao động trước những lời ca tụng tán dương và những tiếng chê bai khiển trách. Bậc thiện trí thức cũng có lý tưởng, nhưng không bao giờ làm ra vẻ mình là kết tinh của lý tưởng ấy. Trái lại, cố gắng, nhẫn nại,

lần bước trên con đường dẫn đến đó với một niềm tin vững chắc. Nếu có ai khen ngợi cũng không hãnh diện hay lộ vẻ vui mừng. Nếu có ai khiển trách cũng không vì đó mà lo âu sầu muộn. Bậc thiện trí thức nhận lãnh lời phê bình một cách trầm tĩnh, hiểu biết và suy gẫm, tìm hiểu lời phê bình có đúng không, người phê bình có đủ tư cách không. Và khi đã quan sát tận tường lời phê bình, tức nhiều người thiện trí thức nhận định rõ con đường của mình.

Đôi khi lời khen hay tiếng chê là một sự hướng dẫn hữu ích. Nhưng không phải luôn luôn như vậy. Nếu là một lời phê bình không nhằm lỗi, thì ta nên gạt qua một bên, không cần để ý đến nó. Cũng như một tâm trí lành mạnh không cần để ý đến những lời chửi rủa của người điên.

SÂN HẬN

*Khi lòng sân nổi dậy như một ngựa chững,
Người nào kèm chế nó được thì Như Lai gọi là mã kỵ.
Những kẻ khác chỉ là những người cầm cương.*

Pháp Cú Kinh

Mỗi người chúng ta đều có thể hồi nhớ lại một lần nào ta đã giận dữ. Sân hận là cảm xúc mà loài người chia sẻ với loài cầm thú, có lẽ ngoại trừ một vài loại côn trùng, sò ốc, hay các loại sứa. Thế gian này vẫn còn cách xa sự toàn thiện toàn mỹ. Về những sự việc đã xảy ra, ta có cảm nghĩ rằng những sự việc ấy có thể xảy ra một cách khác nếu đương sự thông minh và ôn hòa hơn, bớt ích kỷ và bớt tham lam hơn một chút. Trong những trường hợp tương tự, cái sân của ta lòng lộn nổi dậy, tựa hồ như một tuấn mã bất kham, và chúng ta có một thái độ thấp kém hơn loài người một bậc.

Để cho tâm sân mặc tình nổi lên và mặc tình phát triển thì thật là dễ. Con ngựa sân đã té nước lớn thì rất dễ mà giục nó càng té mau hơn nữa nếu ta dùng ngọn roi “tự cho là chánh đáng” để đập vào lưng nó. Nếu con ngựa chạy điên không bị đung chết ở đâu thì nó sẽ mệt dần, bớt dần tốc độ, và đến một lúc nào nó sẽ trở lại trạng thái bình thường, nhận ra mình hơi điên rồ và tự thấy trơ trẽn. Có lẽ không có gì xấu xa hơn là phô bày cho người xem sự thô lỗ bất lịch sự của mình.

Tuy nhiên, những con ngựa điên như thế thường bị đung trước khi mệt. Ở Lang Ca, lãnh thổ của Phật Pháp, hằng năm số người giết nhau trong những vụ cãi vã đã lên đến mức đáng lo ngại. Đáng sợ hơn nữa là, phần lớn các trường hợp, lý do để sát hại nhau thật không có gì hết. Một va chạm tưởng tượng trong tiệc cưới, một vụ khuất nợ không quan trọng, một cuộc cãi vã về

quyền sở hữu một cây hay một trái đi nữa cũng đủ làm đầu dây mối nhợ cho một vụ chém giết nhau tàn nhẫn.

Tại sao vậy?

Rõ ràng nguyên nhân chánh không phải là đầu đề tranh chấp, mà là thái độ của đương sự. Nếu là người có tánh trẻ con, ưa quạu quọ hay kém trí xét đoán, kém hiểu biết, thì một việc hết sức nhỏ nhặt có thể dẫn đến cảnh ngục tù hay sự hành quyết.

Giáo lý của Đức Phật đã hiển cho ta một phương pháp vô song để xây dựng một con người hùng mạnh, trí tuệ và hiền lương. Tạo sao rất nhiều người sống trên đất lành của Phật Giáo mà không hấp thụ được phẩm tánh quý báu ấy? Chắc chắn rằng họ không hiểu giáo lý của Đức Phật, mặc dầu sống trên một phần đất Phật Giáo. Họ được coi là phật tử. Họ đã có tham dự những buổi lễ Phật Giáo. Một đôi khi họ có nghe thuyết pháp. Nhưng giáo lý không thấm nhuần họ, giáo lý không có thâm nhập vào bên trong họ để đưa vào cho họ sự mát mẻ và sự thanh tịnh. Họ cũng như những đứa trẻ, khi thì vui vẻ, rộng rãi, dễ thương, nhưng đến lúc nổi cơn sân lên thì trở thành dữ tợn, hung ác, thật là đáng sợ. Trong những giai đoạn đen tối ấy, họ hành động như không có bao giờ Đức Phật sống trên thế gian này, như Đức Phật không bao giờ gởi đến cho nhân loại lời kêu gọi từ bi và trí tuệ.

Là phàm nhân, chúng ta không mong có thể hoàn toàn chế ngự được tâm sân. Đối với ta sân hận là một vấn đề nan giải. Tuy nhiên nhiều việc còn có thể làm được. Có một lối suy tư giúp ta kiểm soát tâm sân dễ dàng hơn. Đầu tiên, phải nhận định rằng không chế ngự được nó là dấu hiệu của sự yếu hèn, không khi nào là dấu hiệu của sức mạnh. Chúng ta thích được xem là tự chủ, là hùng mạnh. Khi nổi giận, ta có cảm tưởng như ta mạnh và tự chủ hơn lúc thường. Nhưng đó chỉ là một ảo tưởng, một sự lầm lạc, một tai họa. Thật ra trong những lúc tương tự, ta yếu

hèn và kém hiệu năng hơn thường. Nếu một võ sĩ biết rằng đối thủ của mình nóng tính thì chắc chắn anh ta sẽ hết sức cố gắng để khiêu khích, chọc giận cho kỳ được, vì biết rằng một khi tức giận thì đối thủ của anh sẽ có chỗ hở, dễ dàng bị hạ hơn. Mỗi khi giận ta phải nhận định rằng cái sức mạnh mà ta cảm thấy lúc bấy giờ không phải là sức mạnh của tay mã kỵ. Nó chỉ là sức mạnh của con ngựa chứng chạy điên. Như vậy tức khắc ta phải cố gắng kèm cương, thuần vó ngựa. Nếu thành công thì ta là chủ. Nếu thất bại tức nhiên ta là nô lệ.

Ta cũng nên suy luận rằng, và đây là một điểm cần thiết, thật ra sự việc không được đến phân nửa phần quan trọng mà ta đã gán cho nó. Có nhiều người tự quan trọng hóa mình một cách quá đáng. Những người ấy nên nhận định rằng những cơn giận dữ mà họ đã bộc lộ không làm xúc động người khác như họ tưởng. Người đang sân trông rất xấu xa và có thể là một tai họa. Cái sân chỉ làm cho người ta cười chứ không làm cho người ta sợ. Người khôn ngoan thỉnh thoảng phải biết cười mình. Nếu không, người khác sẽ cười.

ĐỘ THỰC

“*Một là gì?*”

Là tất cả chúng sanh phải nhờ vật thực để sống”.

Đó là câu hỏi và câu trả lời đầu tiên trong mười câu mà một thầy sa di phải học. Đó là chân lý căn bản có thể áp dụng cho tất cả chúng sanh. Từ chúng sanh to lớn nhất đến chúng sanh nhỏ bé nhất, từ cao nhất đến thấp nhất, tất cả đều sống nhờ vật thực. Nếu lột bỏ tất cả các lớp ngoài cho đến phần tinh tế nhất của nó thì đời sống là một tiến trình ăn và cố tránh khỏi bị ăn.

Đặt một giọt nước dơ dưới ống kính hiển vi thật mạnh, sự thật sẽ được chứng minh một cách rõ ràng. Xuyên qua ống kính, ta thấy bao nhiêu sinh vật tí ti, mỗi sinh vật là một chúng sanh, một cá nhân. Mỗi sinh vật đều lăn xả lịch xích, rối rít nhộn nhịp để giành lấy sự sống. Những hoạt động ấy là gì? Là ăn và cố tránh khỏi bị ăn. Nếu quan sát kỹ từng con vật bé nhỏ ấy ta sẽ thấy rằng cuộc tranh đấu của chúng nó để dành quyền sống vô cùng gay cấn, vô cùng ác liệt, không khác nào cuộc tranh hùng giữa hai con cá kình. Con này vồ lấy con kia. Con kia cố sức vùng vẫy để thoát. Một đànng cố bắt cho kỳ được. Một đànng cố chạy để khỏi chết. Cả hai đều tận lực, giằng co cho đến lúc con yếu hơn quá mệt mỏi, bỏ cuộc và bị ăn. Đó là thảm kịch của đời sống, và thảm kịch này tiếp tục diễn tiến trong mỗi giọt nước chưa có nấu chín, trong mỗi li khối đất. Cao hơn một bậc, trong thế gian hữu hình, cuộc tranh đấu lại càng ác liệt. Trong lòng đất, dưới nước, trên mặt đất, giữa không trung, từng phút, từng giây, đều có những sinh vật đang ăn và những con khác đang bị ăn.

Xuyên qua những cảnh tượng khủng khiếp của đời sống đức tính ôn hòa hiền lương và dịu dàng là rất hy hữu, tựa hồ như không

bao giờ có. Khi mà tiến trình của đời sống chỉ có nghĩa là bảo vệ mạng sống và căn cứ trọn vẹn trên sự ăn và cố tránh khỏi bị ăn thì những đức tính như ôn hòa, hiền lương và dịu dàng chỉ dẫn đến chỗ tự sát. Một con vật hiền lương sẽ không sống được lâu, dầu ở trong trí nhớ của một con khác đã ăn nó. Một con cọp hay một con cá mập cũng vậy. Ái dục (Taṇha) là loại tâm mạnh nhất trong mỗi chúng sanh. Ái dục là ham ăn. Càng ăn nhiều càng to lớn, càng mạnh bạo, càng lánh xa tai họa bị kẻ khác ăn, càng có nhiều hy vọng được sống sót.

Đó cũng là một chân lý đối với đời người mặc dầu hiện tượng sống của con người phức tạp hơn nhiều. Trong thời sơ khai của nhân loại, con người phải săn bắn để tìm thức ăn. Con người cố gắng để trở thành một người thợ săn thiện xạ. Con người cũng cố gắng để trở thành một tay thiện chiến để rồi cưới được nhiều vợ và sanh được nhiều con, hơn người bạn yếu kém. Nhưng xã hội đã tiến hóa, đổi thay, và trở nên phức tạp vì nhiều yếu tố mới đã chen vào đời sống. Như người kia ăn ít, nhỏ bé, nhưng khéo tay khéo chân, sản xuất được những vật đặc biệt, làm ra tiền nhiều hơn anh thợ săn. Nhưng bên trong, con người của anh cũng bị định luật trên chi phối, anh có nhiều hy vọng sống sót hơn những người kém khả năng.

Trong xã hội sang trọng hơn của loài người, người ham ăn, người ăn nhiều, được thay thế bằng người đến mức, hãnh tiến, vô sở bất vi. Con người ấy biết mình muốn gì và có đủ khôn ngoan, đủ khéo léo, đủ thủ đoạn để thành tựu nguyện vọng. Đó cũng là một lối ăn. Quyền lực và danh vọng là một thức ăn. Càng có thể lực càng được trọng vọng. Trò chơi ăn và cố tránh khỏi bị ăn vẫn tiếp tục diễn tiến, trong một ý nghĩa rộng rãi hơn. Thay vì ham ăn, người ta ham quyền thế, địa vị, của cải, sự nghiệp và những cái mà ta gọi là “những vật tốt đẹp của đời sống”. Người ta chiến đấu để dành những điều ấy.

Ngược hẳn với tất cả, Giáo Lý của Đức Phật dạy một tiến trình “lên đường” để đi đến tự do. Đức Phật vạch ra cái chân lý căn bản của thế gian là phải tùy thuộc nơi vật thực, nơi sự kiện ăn và tránh khỏi bị ăn. Nhưng Ngài cũng vạch ra một con đường, một lối sống để đạt đến tự do, để thoát ra khỏi những hoạt động thô bỉ, ra khỏi vòng sanh, lão, bệnh, tử đáng ghê sợ. Ngài dạy một lối tranh đấu trường kỳ để đạt cho được cái cần thiết và cố giữ cái đã đạt được. Một cách rất giản dị mà nói rằng Giáo Lý của Ngài nhấn mạnh trên điểm: Tự Do (Giải Thoát) là mục tiêu tối hậu mà người thông minh đặt nguyện vọng cố đạt cho kỳ được. Ngoài ra, tất cả đều là vô thường, tạm bợ, không đáng cho ta mong muốn, tất cả chắc chắn đều phải diệt. Không nên bám bứ vào bất luận cái gì trên thế gian này.

NGHI THỨC

Không phải chỉ trong nghi thức lễ bái cúng dường, cũng không phải học rộng hay tham thiền nhập định, hay tu ẩn sĩ, hay nghĩ rằng “ta đang thọ hưởng hạnh phúc của sự xuất gia”, này hỡi Tỳ Khuru, các thầy chó nên thỏa mãn mà không lo dập tắt những xáo động.

Pháp Cú Kinh

Người chưa thấu hiểu giáo lý của Đức Phật đôi khi nhận định sai lạc về các nghi thức ở chùa. Lễ dâng bông cúng dường Đức Phật, kinh thọ giới mà người cư sĩ đọc đi đọc lại, kinh cầu an (*Paritta*), đánh lễ chư sư và nhiều nghi lễ khác, được xem là bằng chứng hiển nhiên chỉ rõ Phật Giáo chỉ chú trọng đến nghi thức.

Lầm lẫn như vậy vì thiếu hiểu biết. Đức Phật dạy rằng cũng như mỗi giọt nước trong biển cả đều có một vị là vị mặn của muối, trong toàn thể giáo lý của Ngài chỉ có một vị là vị giải thoát. Trong câu pháp cú trích trên, Đức Phật chỉ rõ rằng những hình thức lễ bái cúng dường không phải trọn vẹn là lời sông của Ngài đã dạy. Những xáo động mà ta phải tận diệt là 4 *asavas* (Tham ái, luyến ái đeo níu theo đời sống, tà kiến và vô minh) xem như bốn dòng nước lũ, xoay tròn thành một cái xoáy vĩ đại, lôi cuốn chúng sanh vào khổ cảnh. Diệt tận bốn dòng nước ấy là thoát ra khỏi sanh tử triền miên. Trên con đường, khi đắc quả Tu-Đà-Hườn rồi, thì không còn tin tưởng nơi sự cần thiết của các nghi thức lễ bái ấy nữa. Như vậy, dầu ta có cố tình kéo dài trí tưởng tượng đến đâu cũng không thể cho rằng Phật Giáo đặt tất cả giá trị tôn giáo vào nghi lễ suông.

Tuy nhiên, chắc chắn rằng đối với ai còn là phạm nhân, đối với ai chưa bước vào dòng suối của các bậc thánh, thì nghi thức lễ

bái vẫn còn có giá trị. Nó là phương tiện đưa ta đến cứu cánh. Trong những cơn phong ba bão táp, nó là cái neo. Trong những lúc sâu muộn, nó là một niềm an ủi. Trong những khi bị quyền rũ, nó là một lời nhắc nhở rằng trong đời còn có cái chi cao siêu quý trọng hơn là những khát vọng vật chất tầm thường.

Người phật tử nhặt những cành hoa đủ màu sắc để dâng dưới cội bồ đề hay dưới chân tượng Phật, trong khi ấy suy tưởng đến sự toàn diện vô song của bậc Toàn Giác. Người Phật tử lúc ấy cũng suy niệm đến lý vô thường, xuyên qua cái đẹp nhất thời của hoa. Với những tư tưởng tương tự, tâm trở nên lắng dịu và vững chắc.

Người phật tử đọc đi đọc lại những câu kinh thọ ngũ giới, ngày này qua ngày khác, để tự nhắc nhở lấy mình những điều mình đã tự nguyện cố giữ.

Người phật tử đọc và nghe kinh *Paritta* vì nó là những chân lý kết tinh trong lời nói của chính Đức Phật.

Người phật tử đánh lễ chư sư vì các Ngài và bộ y vàng mà các Ngài đắp lên mình tiêu biểu cho lối sống cao thượng nhất của con người.

Đó là những nghi thức nếu ta thích gọi như vậy. Nhưng đó không phải là những nghi thức vô ý nghĩa. Những nghi thức ấy nhất định là những phương tiện để đến cứu cánh. Chỉ có những người nông cạn, những người không biết suy tư, mới vội vã kết luận, khi thấy người kia mài búa, rằng mục tiêu cứu cánh nằm trong việc mài cái búa.

Lẽ dĩ nhiên là cũng như nhiều phương tiện hữu ích khác, hạng người cuồng nhiệt có thể đặt nghi thức trên một địa vị quá đáng. Ta phải cẩn thận, không nên lầm lẫn phương tiện với cứu cánh. Chính Đức Phật, trong câu Pháp Cú trích ở trên, cũng chỉ rằng lời khuyên có thể áp dụng cho sự tu học, sự tham thiền nhập

định, cho đời tu ần sĩ và hạnh phúc xuất gia. Không có điều nào là cứu cánh. Tất cả những điều ấy chỉ là cái bè để đưa ta qua sông. Khi qua đến bờ bên kia thì ta bỏ lại chiếc bè.

SỢ SẸT

*Người nhận thấy cái sợ trong những việc không đáng sợ,
Và không sợ những việc đáng sợ,
Là còn mang tà kiến và phải chịu trạng thái đau khổ.*

Pháp Cú Kinh

Theo lời dạy của Đức Phật chỉ có một việc ta cần phải sợ. Nhưng bất hạnh thay! Chính đó là điều mà phần đông người phàm của chúng ta ít sợ nhất. Điều suy nhất đáng cho ta sợ là hành ác, tạo nghiệp bất thiện (*Akusala Kamma*), bất luận dưới hình thức nào. Hành động (*Kamma*) bất thiện là những hành động bắt nguồn từ tham, sân, si, là những hành động có khuynh hướng tăng trưởng lòng tham, sân, si vì nó cũng tăng trưởng và kéo dài sự đau khổ trong vòng luân hồi, sanh tử triền miên. Bất trí tuệ thì rất sợ và cố gắng lánh xa những hành động bất thiện, nhưng hạng cuồng si thì thấy không có gì hại, lắm khi còn thấy vui sướng và đáng làm, đáng khen. Do đó có những hạng phụ huynh khuyên dạy con em “lấn xả vào đời”, làm bất luận việc gì, có ngờ đâu đứa trẻ phải trả một giá rất đắt và rất đáng ghê sợ về sau, để hưởng trong hiện tại những tiền bộ vật chất tạm bợ, nhất thời, thật ra không đáng.

Một đàng khác người thế gian ghê sợ những điều mà đối với Đức Phật, không có gì đáng sợ. Ta sợ những tai họa vật chất, những lỗ lả về tài chánh, ta sợ bệnh, sợ mất quyền thế, mất tiếng tăm và bao nhiêu cái sợ khác phụ thuộc vào hoàn cảnh ta đang sống. Đối với Đức Phật những cái sợ ấy là vô căn cứ. Khi nó phát sanh Ngài tự nghĩ “nó chỉ phát sanh ở hạng cuồng si, không thể phát sanh ở bậc trí tuệ”. Đó là một bài học cho người còn nhận thấy cái sợ trong những việc không đáng.

Ngày kia, có một đạo sĩ Bà-La-Môn đến hỏi Đức Phật rằng người tu ả sĩ, một mình ở giữa rừng vắng vẻ quạnh hiu, khi mà

chưa nhập định được thì có sợ không? Câu trả lời của Đức Phật thật là sáng tỏ. Ngài nói “Thầy đã trả lời, này đạo sĩ. Thầy đã trả lời, và Ngài giải thích rằng những người tu ân sĩ, vì một lý do nào, chưa được chuẩn bị đầy đủ để sống đời cô độc ở giữa rừng sâu sẽ còn sợ sệt. Lúc chưa đắc quả Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ Tát hằng tìm những nơi rừng rợn, ghê tởm sợ và sống một mình ở đó chờ cảm giác ghê sợ phát sanh để cố gắng chế ngự và dập tắt nó. Lúc ấy Ngài đã có tham thiền nhiều lắm rồi và đã đạt được nhiều kết quả tinh thần rất cao, nên mỗi khi cái sợ phát sinh thì Ngài cố gắng vận dụng tâm lực để dập tắt và lần lần tiến đến mức thanh tịnh tuyệt đỉnh, chỉ có thể so sánh với một vị Phật. Tuy nhiên, Đức Phật xác nhận rằng có sợ, đã nhìn thấy nguyên nhân của nó và Ngài nhìn nhận đối với thế gian, tinh thần chưa được vững bền, đạo đức chưa được chắc chắn thì sợ là một sự thật. Thật sự có sự sợ sệt.

Đành rằng, như Đức Phật dạy, cái sợ chỉ phát sinh cho hạng cuồng si. Nhưng người thế gian thật sự là cuồng si. Cũng vì thế mà ta còn là người thế gian. Chúng ta luyến ái vật kia vật nọ, cố bám bấu lấy nó, dành giựt, ganh ghét lẫn nhau vì nó, và càng đi sâu càng bị màn vô minh che lấp. Vì thế ta đâm ra sợ. Nếu đôi khi chúng ta quyết can đảm lên, thế thường sự can đảm ấy có những lý do lâm lạc. Thí dụ như người thợ săn can đảm, với những khí giới tối tân, không sợ một thốt tượng. Trong khi mang theo súng ống đầy đủ để trừ một cái sợ nhỏ trong những cái không đáng sợ thì người thợ săn lại không sợ cái đáng lẽ phải sợ là tạo nghiệp bất thiện. Sự si cuồng tăng lên gấp đôi.

Chỉ có một con đường để thoát ra khỏi cái sợ. Đó là con đường mà Đức Phật đã vạch. Ngày nào mà ta chưa đến mức cuối cùng của con đường ấy, chừng nào mà ta chưa hoàn toàn giải thoát, thì ta còn sợ. Nhưng ít ra, từ bây giờ ta hãy nhận nó và tìm hiểu nó là gì. Có phải là hậu quả bất hạnh của tham, sân, si không?

THOÁT RA KHỎI CÁI SỢ

Tất cả đều sợ hình phạt.

Tất cả đều sợ chết.

Hãy so bụng ta với bụng người,

Không nên sát sanh và không nên làm cho người khác sát sanh.

Pháp Cú Kinh

Người có đạo đức, nhờ căn bản đạo đức làm cho người khác yên tâm khi nghĩ đến mình. Con người đạo đức không khi nào là một dọa nạt, không khi nào giết người, không khi nào cướp giật của ai, không cảm dỗ, không nói xấu hay say xura phá rối. Một người đã nghiêm trì ngũ giới hẳn là trong sạch, là một người bạn láng giềng dễ chịu.

Có người cố làm giảm thiểu giá trị của 5 giới căn bản, cho rằng đó là những qui tắc “tiêu cực”. Họ không chịu nghĩ đến hậu quả tích cực của nó là cái không khí yên lành mát mẻ mà người trì giới nghiêm chỉnh tạo quanh mình. Đôi khi ta quên rằng điều mà phần đông mong mỗi không phải là sự trợ giúp tích cực mà chính là sự tự do, không bị phiền phức, không bị ai chen vào công việc mình. Người ta có thể tự mình lo công việc của mình và muốn được để yên. Đó cũng là một điều mà người có tâm nhiệt thành với công tác xã hội nên lưu ý. Trong cái thế gian tranh chấp phiền não và lo âu này, không khí vui vẻ thuận hòa và yên tĩnh hẳn là đáng quý. Người nào cố thể tạo nên một hoàn cảnh tương tự là đã phục vụ nhân loại rất nhiều.

Đã có bao nhiêu nhà tu ẩn sĩ, sống cô độc ở giữa rừng sâu mà không mang theo mình một loại khí giới nào. Vậy mà rất ít khi, nếu không phải là chưa bao giờ, ta nghe nói có vị nào bị thú dữ hành hung. Đó vì chính những con thú rừng cũng nhạy cảm và tương ứng với không khí an lành từ ái mà các vị ấy đã tạo. Về

điểm này, có nhiều lý do để tin rằng thú rừng tốt hơn người. Rất có thể loài thú không bao giờ làm tổn thương đến những nhân vật như chúa Jesus hay Giordano Bruno.

Người phật tử tin chắc rằng một hành động có phương hại đến người khác không khi nào đem lại lợi ích cho mình. Vì vậy mà trong toàn thể lịch sử Phật Giáo không có trang nào bị máu làm hoen ố. Không có một người nào bị giết chóc hay bị hành hung vì không tin ở Đức Phật. Phật Pháp là một lối sống tự do và cao thượng, chỉ thích hợp với một hạng người. Người phật tử không tìm cách bắt buộc người khác phải chấp nhận lối sống ấy, bởi vì bắt buộc là đi ngược lại với tự do. Người phật tử cũng không chủ trương rằng muốn được giải thoát hoàn toàn thì phải theo đạo Phật tức khắc. Vẫn còn thì giờ. Còn rất nhiều thì giờ. Còn cả một thời gian vô hạn. Những người không chấp nhận được giáo lý của Đức Phật ngày hôm nay sẽ chấp nhận một ngày khác. Ta không cần phải lo sợ cho họ, cũng không nên làm ra vẻ ta đây là Cứu Tinh. Họ sẽ tự cứu lấy họ, mặc dầu chậm trễ, mặc dầu không phải bằng những phương tiện mà hiện nay họ đang tin tưởng.

Bây giờ, người phật tử phải có thái độ như thế nào đối với người khuyên mình đổi tôn giáo theo về với họ? Thái độ của ta phải là hiểu biết từ ái và nhẫn nại. Dần sau, dần có trá hình đi nữa, đó cũng là một cử chỉ thân thiện. Người phật tử phải lấy thiện ý đáp lại thiện ý. Ta hãy nói qua cho họ biết một ít về Phật Giáo.

TINH THẦN QUỐC GIA

*Không phải trên không trung, giữa biển sâu,
Hay trong hang đá của ngọn núi nào,
Cũng không thể tìm ra một nơi nào trên thế gian này để ẩn
náu,
Mà khỏi phải chết.*

Pháp Cú Kinh

Lời kêu gọi của Đức Phật gọi đến mọi người, mọi thời đại. Ngài sanh trưởng trong hoàn tộc dòng Thích Ca (*Sakya*), ở miền Bắc Ấn Độ. Nhưng khi tưởng niệm đến Ngài, chúng ta không hề nghĩ rằng Ngài là người Ấn hay là một người của họ dòng Thích Ca. Ngài quá cao quý và đã vượt lên khỏi những điều ấy.

Đối với người đi theo con đường của Đức Phật thì tinh thần quốc gia không có ý nghĩa gì. Tại sao ta cất tiếng lên hát bản quốc thiều với tất cả tâm hồn và một niềm tin đầy thiện cảm khi mà, theo lời dạy của Đức Phật, chắc chắn ta phải chết một ngày nào, và sau khi chết, ta có thể tái sanh trong một quốc gia khác. Tinh thần quốc gia có thể có đầy đủ ý nghĩa đối với người không thể nhìn xa hơn trong kiếp sống này. Những người không tin ở sự tái sanh. Hơn nữa, tinh thần quốc gia bắt nguồn từ ý niệm làm lạc về “Ta” và “của Ta”. Đức Phật dạy rằng không có cái gì trường tồn bền vững trong một chúng sanh. Không có cái chi mà ta có thể nói rằng “đây là Ta” “Cái này là của Ta”. Vậy thì làm sao người phật tử thành thật có thể nói đây là “quốc gia của TA” hay đây là “dân tộc của TA”. Nếu thật sự ta đã chấp nhận giáo lý của Đức Phật thì ta không thể nghĩ rằng ta là người của một quốc gia riêng biệt nào. Một cách chính xác, ta cũng không thể nghĩ đến ta như một con người, vì cho đến cái trạng thái người của ta cũng là tạm bợ, nhất thời. Ta chỉ có thể coi ta như một

chúng sanh, nghĩa là một diễn tiến của dòng Danh-Sắc, Tâm-Thể Xác, luôn luôn biến đổi, luôn luôn sanh, trụ rồi diệt.

Trên nhiều phần đất của thế gian ngày nay tinh thần quốc gia hẹp hòi hình như càng ngày càng bành trướng. Con người có khuynh hướng càng ngày càng mạnh rằng mình là dân của quốc gia này hay quốc gia khác, thay vì là một chúng sanh sáng suốt. Cũng như một cái ung thư nguy hiểm, tinh thần quốc gia hẹp hòi ấy ăn dần vào tất cả cái gì cao quý và quảng đại nhất của con người, khoét dần tình thương và đức tính liêm khiết, thanh bạch, để thay vào đó bằng những tế bào xấu xa bản thủ. Nhiều người xem đó là một thay đổi trong sạch. Nhưng không có người phật tử chân chánh nào dẫm chân trên con đường lầm lạc ấy.

Trong lúc đang sống kiếp người hãy có đủ sáng suốt để tự nhận là một con người, thay vì là người Tích Lan, người Hoa kỳ, người Miến Điện hay là người Nga. Không nên có những ý tưởng ty tiện về ngôn ngữ, y phục, tập quán, nghi thức, lễ tiết.

Đức Phật như mặt trời. Pháp của Ngài như ánh sáng, bao trùm tất cả mọi người. Không cần biết ai nói tiếng gì, mặc y phục gì hay ở xứ nào. Ngôn ngữ của Đức Phật là Chân Lý, y phục của Ngài là Chân Lý và quê hương của Ngài là vũ trụ bao la, bởi vì Chân Lý là một, ở mọi nơi, mọi thời đại.

DANH TỪ

*Chỉ một câu mà đem lại sự vắng lặng cho người nghe
Còn hơn cả bài Pháp dài hằng ngàn chữ
Mà không chứa đựng ý nghĩa bổ ích nào.*

Pháp Cú Kinh

Nó tràn ngập chúng ta. Mỗi khi ta giở ra một tờ báo, mỗi khi ta vặn máy phát thanh thì nào là danh từ, danh từ, danh từ... Ai nói lên những danh từ ấy? Ai viết nó ra trên giấy? Lắm khi chúng ta cũng không màn tìm hiểu. Ta không có thì giờ. Nhưng âm thầm, lặng lẽ, tế nhị và khôn ngoan, những danh từ mà ta nghe, những danh từ mà ta đọc dần dần gieo ảnh hưởng đến ta. Cũng vì lẽ đó mà người ta chịu tốn bao nhiêu tiền để đăng mấy cột quảng cáo trên mặt báo hay để được phát thanh trong chương trình thương mại. Người ta biết rằng danh từ làm được rất nhiều việc. Những danh từ khéo chọn và khéo ráp lại với nhau có thể đưa trí tưởng tượng của ta đi dễ dàng. Người ta biết rằng những danh từ kêu gọi, lập đi lập lại nhiều lần, sẽ được chấp nhận như một chân lý.

Ai là người bền công, chịu khó tận dụng sự công hiệu của danh từ? Chắc chắn rằng đó là những người muốn bán một món hàng. Hàng có thể là một dược phẩm, có thể là một năm bảo hiểm, có thể là một ý thức hệ chánh trị. Họ cố gắng tung ra thị trường một món hàng và họ dùng những danh từ - danh từ hải hùng rùng rợn, những danh từ kêu gọi sự thèm muốn và kích thích cảm xúc. Ít khi, nếu không phải là không khi nào, có những danh từ kêu gọi lý trí và trí tuệ.

Khêu gọi lý trí và trí tuệ là khuyến khích người nghe suy gẫm và đó là một điều tối kỵ đối với ai muốn bán một món hàng. Gọi những khát vọng và kích thích những cảm xúc của khách hàng hẳn là có lợi hơn.

Khát vọng thì mênh mông, cảm xúc thì có rất nhiều loại, phạm vi hoạt động của khách rao hàng thật là rộng rãi. Nghiên cứu kỹ càng một bài quảng cáo đăng trên mặt báo ta sẽ thấy nó vừa bổ ích vừa lý thú. Ta được biết rằng chỉ có những người “sang trọng nhất” mới mặc cái áo hiệu này hay hiệu nọ. Người ta không cho ta biết tại sao. Ta chỉ được biết rằng trong xã hội có một hạng người gọi là sang trọng nhất và chỉ có hạng người này mới mặc cái áo hiệu này hay hiệu nọ. Bao nhiêu đó đủ khêu gợi đủ làm cho người ta muốn cũng mặc cái áo như vậy. Phần lý thú của câu chuyện là đánh giá cái bản chất của nhân loại như vậy tỏ ra là xác đáng. Bởi vì hiệu áo này bán chạy một cách khả quan.

Rồi lại có sự khêu gợi bản tính sợ sệt. Các công ty bảo hiểm khai thác cái bản tính này một cách quá đáng. Người ta thúc dục nên đi bảo hiểm mọi tai họa. Người ta không cho biết tại sao công ty bảo hiểm lại hết sức sốt sắng muốn bảo hiểm cho ta và cũng không gợi ý tờ mờ của ta. Người có hùng vốn trong công ty thì biết tại sao, vì mỗi tháng câu trả lời nằm trọn vẹn trong bản báo cáo chia lời. Phần đông những người đi bảo hiểm không cần phải được bảo hiểm. Nếu không phải vậy thì các công ty bảo hiểm đã phá sản.

Trong giới chánh trị cũng vậy. Muốn bán món hàng của mình người ta khêu gợi sự thèm thuồng và kích thích cảm xúc nhiều hơn là lý trí và sự sáng suốt. Người ta dùng danh từ, ngàn này đến ngàn kia danh từ khêu gợi, có khuynh hướng bóp chết khả năng suy gẫm, phê bình. Người ta lập đi, nhắc lại nhiều lần trên diễn đàn, trên mặt giấy, trên những làn sóng điện và rôt cùng, người khác sẽ chấp nhận những danh từ ấy như sự thật. Người ta làm như vậy một cách quả quyết. Bị chặn ngăn bên trong làn sóng tuyên truyền thì rất khó mà nhận định rõ ràng và mạch lạc. Và các chính trị gia đã hiểu như vậy. Công việc của họ không phải là khuyến khích người ta suy gẫm rõ ràng và mạch lạc.

Tuy nhiên, từng cá nhân, chính ta phải suy gẫm. Đó là bản phận của chúng ta nếu ta muốn giữ mình được liêm khiết, trong sạch. Trong tất cả bao nhiêu ngàn danh từ mà người buôn hàng tung ra tràn ngập ta, không có một chữ có thể đem lại cho ta sự vắng lặng của tâm. Chỉ có những danh từ làm cho ta muốn vật này hay vật kia, những món hàng mà người ta muốn bán.

Nhưng sự vắng lặng của tâm thì không có ai bán. Nó chỉ là một món quà mà ta tự cho ta. Nếu ta có trí tuệ, nó là món quà mà từ ngàn xưa hạng người trí tuệ tự cho mình. Nếu ta có thể đóng những cái cửa của tâm lại, gạt ra ngoài bao nhiêu lời kêu gọi, rao hàng, của những người cố gắng bán cho ta những vật không có giá trị nào thì chừng ấy ta có thể nghe câu nói đầy ý nghĩa, câu nói đem lại cho ta sự vắng lặng, câu nói mà Đức Phật đã dạy: “Trong thế gian này, người nào kiểm soát được cái khát vọng vô lỗi và bất kham của mình thì phiền não sẽ rời mình cũng như những giọt nước rời lá sen để rớt xuống”.

SI MÊ

Tất cả những bợn nhơ trong tâm hẩn là xấu xa, trong thế gian này và trong thế gian kế.

Cái bợn nhơ to lớn và tệ hại hơn tất cả là si mê.

Này hỡi các Tỳ Khưu, hãy gội rửa bợn nhơ ấy

Và trở nên hoàn thiện.

Pháp Cú Kinh

Đôi khi người ta hỏi người phật tử tại sao Đức Phật không dạy những điều chúng ta đã khám phá ra ngày nay mà lúc bấy giờ chưa ai biết. Người ta hỏi, nếu Đức Phật là toàn tri toàn giác thì hẩn Ngài đã thông suốt tất cả các hiện tượng trong vũ trụ, và đã biết rõ Thái Dương Hệ, Dãy Ngân Hà,... Như vậy tại sao Ngài không sửa chữa lại những tin tưởng sai lầm của thời bấy giờ?

Một câu hỏi như vậy thật là hợp lý, bởi vì người nêu lên nó cảm thấy đầy đủ, cảm thấy bằng lòng với sự hiểu biết của mình ngày hôm nay và bằng lòng với sự không biết một điều nào về mục đích của đời sống Đức Phật. Trước tiên, ta có nên thật sự quá quyết một cách độc đoán rằng những hiểu biết của chúng ta ngày nay sẽ không bị chứng minh là sai lầm một ngày nào không? Bởi vì những điều mà ta biết ngày hôm nay có thể cũng cách xa chân lý như những hiểu biết của người ở thời đại thạch khí. Ngàn năm sau, nếu khí giới nguyên tử không biến quả địa cầu ra một hành tinh chết thì người ta sẽ nhắc đến những tư tưởng ngày nay cũng tương tự như hiện nay ta nhắc lại tư tưởng của người sống trước thời Copernic. Đối với trí tuệ của Đức Phật những tư tưởng sẽ thành hành trong một ngàn năm về sau vẫn còn chưa được vững.

Tuy nhiên, những điều mà Đức Phật muốn dạy ta còn quan trọng hơn những thắc mắc ấy nhiều, vì là tối cần thiết để giải thoát. Ngày kia, khi đi ngang qua một cụm rừng, Đức Phật nắm

trong tay một nắm là và nói rằng những điều Ngài dạy chỉ như số lá trong tay và sự hiểu biết của Ngài thì cũng như tất cả lá trong rừng. Tuy nhiên bao nhiêu điều dạy ấy rất đầy đủ để giúp cho ta giải thoát. Ngài không bỏ sót một điều cần thiết nào.

Bây giờ chắc chắn rằng ta không còn ngây ngô quả quyết rằng một nhân vật như Đức Phật lại còn thắc mắc ái ngại với những việc như sửa sai quan niệm lầm lạc của chúng sanh về những hiện tượng vật chất và những cơ cấu vũ trụ. Cũng như làm cha mẹ, thấy con vui mừng tin tưởng nơi ông già Noel thì cho đó là không có gì hại, Đức Phật thấy rằng những tin tưởng lầm lạc về cơ cấu của vũ trụ cũng không có gì là hại. Đối với Ngài, dầu chúng sanh tin rằng mặt trời xoay chung quanh quả địa cầu hay trái đất xoay quanh mặt trời thì cũng không sao. Mặc dầu tin rằng nếu đi mãi, đi mãi, một ngày kia ta sẽ đến chân trời, người kia vẫn có thể hiền lành và thông minh sáng suốt. Có rất nhiều người trí tuệ và hiền lành hơn ta biết mấy mà vẫn tin như thế.

Đức Phật không quan niệm rằng chính sự hiểu biết là mục đích cứu cánh. Nhưng tại sao Ngài dạy rằng si mê là cái bợn nhơ vĩ đại và tệ hại hơn tất cả. Bởi vì chính si mê nằm chen ngang trên con đường giải thoát của chúng sanh. Chính si mê nuôi dưỡng lửa tham và lửa sân. Chính si mê dẫn dắt chúng ta triền miên trôi vạt trong vòng luân hồi, hết kiếp này đến kiếp khác.

Mặc dầu nghĩ thế nào về sự khôn ngoan sáng suốt của ta, tất cả chúng ta vẫn còn chìm đắm trong si mê. Chúng ta vẫn chưa chứng nghiệm được rằng vạn hữu là vô thường, không đáng cho ta ham mê bám bấu, rằng tất cả đều biến đổi và tiêu tan, tất cả đều tạm bợ. Như vậy ta ưa thích, luyến ái, rồi bám bấu, rồi hy vọng, rồi mưu toan, thảo kế hoạch. Ta gieo những hạt giống, tạo những kiếp sống tương lai trên một thế gian đầy phiền não, trong cảnh giới ảo huyền, giữa những hình bóng luôn luôn biến đổi. Như vậy thì biết rằng trái đất xoay quanh mặt trời có lợi ích

gì? Tất cả những gì mà khoa học đã khám phá không giúp cho nhân loại tiến lên được tấc đất nào trên con đường hạnh phúc. Thật vậy, sự điên cuồng của con người quả là trọng đại. Càng hiểu biết thêm cái thế gian vật chất này ta càng nhận ra là mình bé nhỏ và bần tiện. Ngày nay nhân loại đã trở thành bần tiện đến nỗi chúng ta có cảm giác như đang luận phiên tự sát, giống như loài bò cạp, tự chích lấy đuôi mình đến chết, chết vì nọc độc của chính mình. Nếu đó là hậu quả của sự hiểu biết thì thà kém hiểu biết còn hơn. Có lẽ Đức Phật đã thấy trước như vậy khi Ngài giữ lại bao nhiêu hiểu biết mà không dạy thế gian. Ngài dạy một lối sống khả dĩ mở mang trí tuệ mà không đề cập đến những hiểu biết vô ích và có thể nguy hại.

NĂNG LỰC CỦA CHÂN LÝ

*Trên thế gian này chắc chắn là có đạo đức, có thiện tâm,
Có sự gọi rửa, có sự cải thiện,
Do nơi sự kiện này ta quả quyết xác nhận chân lý.*

Túc Sanh Truyện

Người phương đông từ lâu nay vẫn tin rằng có một năng lực phi thường trong sự “xác nhận chân lý”. Có rất nhiều trường hợp được ghi nhận trong kinh điển Phật Giáo chỉ rằng năng lực của chân lý được xử dụng với những mục đích khác nhau, như để chữa bệnh chẳng hạn. Chân lý đặc biệt có hiệu năng khi người xác nhận nó rõ ràng có đầy đủ tư cách, như khi người hiền lương đạo đức nói lên hoặc quán tưởng: “Do nơi oai lực của Chân Lý cho rằng có đạo đức và thiện tâm trên thế gian, mong rằng bệnh tật của ông... được tiêu tan”. Ta có thể hiểu được rằng người hiền lương đạo đức như vậy xác nhận chân lý với một niềm tin vững chắc hơn là một người xấu xa gian ác, và tâm của người ấy truyền đạt năng lực chân lý dễ dàng hơn. Chắc chắn rằng niềm tin rất là thiết yếu.

Có một thời nào, người ta cho rằng ai là người tân tiến, theo kịp thời đại, phải chê bai và chế nhạo, không tin những gì mà ngũ quan không ghi nhận được. Như tâm lực chẳng hạn. Nhưng ngày nay ở Á Đông, cho đến người sống theo chủ nghĩa duy vật cũng được cảnh tỉnh nhận rằng tâm thật sự có một năng lực phi thường mà khoa học hiện đại không thể giải thích được. Ngay đến vật chất cũng đã không còn là một cái gì bền vững trường tồn như một vài năm trước và đã phản bội con người duy vật. Vật chất chỉ còn là một biểu hiện của năng lực. Vậy năng lực là gì? Không ai biết. Người ta chỉ gọi nó bằng những danh từ khác nhau và nêu lên thí dụ của những hình thức biểu hiện của nó như điện, từ tính, sức hấp dẫn, sức nóng và ánh sáng. Như vậy có

hợp lý chẳng, khi ta giả thiết rằng tâm cũng là một hình thức năng lực và tâm lực có thể ảnh hưởng đến cái mà gọi là thế gian vật chất?

Lẽ dĩ nhiên, không phải tất cả mọi người đều có thể dùng tư tưởng của mình mà chế đôi được một tảng đá hay cất lên một vật nhẹ như cái lông chim đi nữa. Tuy nhiên ta hỏi lại, bao nhiêu người biết làm cách nào để phát sanh ra đầy đủ điện lực để chế đôi một tảng đá hay cất lên một cái lông chim? So với số đông đảo dân chúng, tỷ số thật là thấp, rất thấp. Vậy mà không ai phủ nhận năng lực của điện.

Điểm khác biệt trọng yếu giữa tâm lực và điện lực là trong cái thế gian tân tiến này, điện lực đã trở thành khí cụ cho bất luận kẻ điên cuồng nào biết bấm một cái nút, còn tâm lực thì chỉ phát sanh trong từng cá nhân. Từng cá nhân phải tự mình cố gắng để phát động tâm lực vì không thể giúp ai có được tâm lực, ngoại trừ bằng những lời khuyên thích hợp. Mỗi người phải tạo lấy cho mình cái máy phát tâm lực và tự luyện tập để xử dụng nó. Mỗi người phải là một chuyên viên và một trách nhiệm viên lành nghề.

Ở phương đông, chúng ta không thiếu gì huấn luyện viên, và ngày nay nhiều phương pháp đã được trình bày rành rẽ trong sách vở. Vị thầy cao cả nhất là Đức Phật. Ngài đã thấu triệt bản chất của tâm lực hơn tất cả và Ngài biết một phương pháp tương đối dễ để phát động tâm lực. Phương pháp ấy là “Xác Nhận Chân Lý”. Tuy nhiên, ta phải nhận định rằng mục đích duy nhất của Đức Phật là dạy chúng sanh làm cách nào để thoát ra khỏi cảnh khổ não triền miên dính liền với kiếp nhân sinh chứ không phải là để phát triển tâm lực. Tâm lực chỉ đến tự nhiên như một sản phẩm phụ. Đức Phật không cho riêng nó một giá trị.

Dẫu sao ta không thể phủ nhận rằng phạm nhân chúng ta đôi khi phải cần đến tâm lực để giúp đỡ kẻ khác. “Xác Nhận Chân Lý”

một cách thích đáng rất tạo nên năng lực. Nhưng ta phải có đủ tư cách. Hành động của ta phải biểu lộ cái Chân Lý mà ta muốn tạo năng lực để xử dụng. Định luật thiên nhiên không cho phép một người chơi bời phóng túng lạm dụng chân lý về đạo đức hay một người bòn xén keo kiệt lạm dụng chân lý về bố thí. Nếu ta có đủ tư cách để xử dụng nó thì sự xác nhận chân lý là một nguồn năng lực chẳng sai.

Với năng lực ấy ta có thể giúp một người bệnh được khỏe mạnh, làm cho người điên được tỉnh trí, đưa những tia hy vọng đến cho người thất chí và đổi sân hận oán ghét ra tình thương.

Ngày nay, đối với người có đủ lương tri để giúp cho thế gian này khỏi trở thành một lò sát sanh, thì “thiện tâm lực” là điều tối cần. Bài này được viết ra với hy vọng rằng tất cả những người có thiện tâm, bất luận thuộc tôn giáo nào, sẽ tận dụng tâm lực mình để phục vụ nhân loại.

CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC

Ai đã dứt bỏ các thằng thúc ở cảnh người và vượt ra khỏi những vắn vương ở cảnh trời là đã hoàn thành thoát ra khỏi mọi ràng buộc. Như lai gọi người ấy là bậc thiện trí thức.

Pháp Cú Kinh

Đức Phật đã vạch con đường để thoát ra khỏi mọi sự trói buộc ở cảnh giới người và trời, con đường dẫn đến tự do tuyệt đối. Đối với người thế gian, còn vắn vương trong những thằng thúc của thế gian như khát khao danh vọng, tiền tài, thì chắc là khỏi cần phải đề cập đến các dây trói buộc ở cảnh trời. Người như vậy chưa kịp nhận ra ý nghĩa của tự do thì cái chết đã sù sù đến trước mặt. Họ sống với những rung động của lòng tham trần tục, và chết với những rung động ấy. Nếu đến giờ lâm chung mà những khát vọng ấy chưa được thỏa mãn như bao nhiêu trường hợp đã xảy ra – vì có bao giờ ta biết là đủ - thì hy vọng có được một tái sanh tốt đẹp thật là mỏng manh.

Tuy nhiên cũng có người sáng suốt, biết từ khước những khát vọng thô lỗ của thế gian để tìm cái gì thanh tao cao quý hơn. Những người ấy nhận định rằng cái chết phải đến với tất cả mọi người, và chết nghĩa là bỏ tất cả của cải, sự nghiệp, danh vọng và quyền thế trần gian. Thay vì nghĩ đến những thành công ở hiện tại, họ sống với một con mắt hướng về tương lai. Người ta có thể cho rằng họ không thực tiền, là họ sống ngoài thế gian. Thật ra họ chỉ thấy xa. Hơn là không thực tiền. Họ cũng như người kia nhìn xài, để ra một số tiền, tạo vốn làm ăn, thay vì làm ra bao nhiêu thì xài hết. Như vậy họ vẫn thực tiền, vẫn sống trong thế gian này.

Thấy xa vẫn có lợi, trong hiện tại và trong các kiếp tương lai, Đức Phật dạy như vậy. Sáng suốt vẫn có ích. Người tối tăm khờ dại không có lý do nào để cảm thấy mình hơn người trí tuệ vì mình không cần nghĩ đến ngày mai. Và khi ngày mai đến, người khờ dại không có lý do nào để bào chữa cho sự rung sợ của mình trong những hoàn cảnh bất hạnh.

Người trí tuệ bỏ vốn trong hiện tại để hưởng lợi ở tương lai thì không phải là không thực tiễn. Người ấy sẽ gặt hái quả lành như phần thưởng cho sự thấy xa của mình. Nhưng dầu có được tái sanh trong cảnh trời đi nữa, những phần thưởng ấy vẫn còn là phàm tục. Người ấy vẫn còn vẫn vương trong những dây trói buộc và vẫn còn phải chết. Tuổi thọ trong những cảnh trời thật là dài, dài lắm. Nhưng rồi một ngày nào, khi duyên kỳ đến, nghiệp lực dứt, thì người kia phải chết, và từ cảnh trời sẽ tái sanh vào cảnh giới tương xứng với chiều hướng của luồng nghiệp lúc lâm chung. Người ấy có thể tái sanh vào cảnh người trở lại mà cũng có thể tái sanh vào một cảnh giới thấp hơn. Và như thế mẫu chuyện của đời sống liên tục tiếp diễn, mãi mãi, triền miên, đến khi chúng ngộ đạo quả Niết Bàn. Tất cả chúng ta đều sống ở thế gian và tất cả những ước vọng của chúng ta về một kiếp sống hạnh phúc và an toàn là phàm tục, nếu ta không thể vượt lên và đi xa hơn nữa.

Cái nguy cơ đáng sợ là tính cách biến đổi không ngừng của tâm. Người kia có một đời sống lương thiện và sáng suốt, tích trữ nghiệp lành, và nhờ đó, tái sanh vào cảnh trời. Nhưng có thể là trong cảnh giới đầy lạc thú này người ấy không còn lương thiện và sáng suốt nữa. Giai đoạn nhộng của người tinh tấn, vững bước trên đường tiến bộ ở kiếp sống này có thể biến thành giai đoạn bướm trong cảnh trời, ở kiếp sống kế. Và nếu tái sanh trở lại vào cảnh người, quên hết dĩ vãng, người ấy không biết tại sao mình được giàu sang may mắn và có thể trở nên phóng túng hư hèn.

Vì lẽ ấy, Đức Phật khuyên ta nên tháo bỏ mọi trói buộc ở cảnh người và cảnh trời để tiến đến mức giải thoát hoàn toàn. Bỏ vốn để hưởng lợi trong kiếp tương lai là tốt, nhưng chưa đủ. Trong khi bỏ vốn ra, ta phải hướng nó về con đường dẫn đến Niết Bàn. Hạnh Phúc tương lai và an toàn phải là những phương tiện đưa ta đến cứu cánh. Cứu cánh là Tự Do, là Giải Thoát Hoàn Toàn.

XUẤT GIA

Không nên mật thiết với người thân.

Không bao giờ mật thiết với người mình không thích.

Xa kia người thân và chạm mặt với người mình không thích đều là phiền não.

Pháp Cú Kinh

Những tư tưởng về “Ta” và “của Ta” là nguyên nhân của tất cả sự ưa thích và oán ghét. Ta có thể nghĩ rất tốt về một người, vì đức hạnh cao quý của người ấy, và có những ý nghĩ xấu xa về người khác vì các tệ đoan của họ. Nhưng ta không thể thương yêu người này hay oán ghét người kia nếu không tiếp xúc với họ. Khi xa kia người thân yêu, ta cảm thấy như mất một cái gì. Khi bị bắt buộc phải chung sống với người mà ta ghét thì ta cảm thấy khó chịu. Cả hai cảm giác (thọ) đều là phiền não.

Đức Phật thấy rằng các cảm giác ấy phát sinh từ ảo kiến về cái “Ta” và được kích thích do sự tiếp xúc bản thân. Cái khái niệm về bản ngã là một yếu tố không thay đổi và tồn tại đến chừng nào ta nhận ra thực tướng của vạn hữu. Trong những bước đầu tiên trên con đường Giác Ngộ, đầu ta có tự hào là đã diệt được cái khái niệm sai lầm ấy cũng vô ích. Vậy ta hãy chấp nhận nó và ứng phó với những tiếp xúc bản thân, làm cho sự va chạm càng nhẹ càng hay.

Sự kết hợp mật thiết với người thân yêu, cũng như với người mình oán ghét, là nguyên nhân của sự khổ. Đàng khác, sự lánh xa có khuynh hướng làm nhẹ bớt mức độ của những cảm xúc ấy và do đó, giảm phần khổ não. Đó là lời dạy của Đức Phật, rõ ràng, minh bạch và không thể làm lẫn. Mỗi người chúng ta đều có đủ tự do để chọn lối sống cho ta. Có thể có người chỉ trích rằng lời dạy của Đức Phật là lạnh nhạt và vô nhân đạo. Người ta có thể nói: “Thà đã có thương yêu rồi mất còn hơn là không có

thương gì hết”. Những người ấy có đủ tự do để thương yêu rồi mất, bao nhiêu lần cũng được, trong đời sống hiện tại và trong các kiếp sống tương lai, đến chừng nào họ nhận định rằng họ đang làm những việc điên cuồng. Cũng có kẻ lấy làm hãnh diện thấy mình oán ghét nhiều người. Những người này cũng vậy, có đủ tự do để tiếp tục cuộc hành trình trên con đường của họ, đến khi nào hoàn cảnh đau thương tấp nập tới, dạy cho họ biết rằng người có tật ưa oán ghét làm hại mình nhiều hơn là người mình ghét.

Có rất ít, thật là ít người hưởng ứng mạnh mẽ lời kêu gọi của Đức Phật. Họ là những người trưởng thành, những lữ khách quen thuộc từ bao giờ trong vòng luân hồi, những người đã quá chán chê với mọi cảm xúc thương và ghét. Họ đã bắt đầu cảm thấy rằng muốn đạt tự do phải ra đi, lánh xa. Đó là những người mà Đức Phật muốn nhấn nhủ. Những người khác chỉ tình cờ có mặt để nghe những lời vàng ngọc ấy, những họ nghe bằng tai, không phải bằng tâm lòng.

Ta có thể nói rằng hành động như vậy là ích kỷ không? Chắc chắn là không, vì đó là lối sống dẫn đến sự diệt kỷ. Kết hợp mật thiết với người khác không phải là vị tha. Đó là loại phân bón để bồi bổ cái cây “Ta”, giúp cho cây chóng to và trở quả sum sê, những quả khổ của đời sống. Lánh xa thì trái ngược lại. Lánh xa là loại phân bón bồi bổ cái cây “Trí Tuệ”, giúp cho nó chóng to và trở quả sum sê, quả Giác Ngộ.

Ta không nên làm lẫn, mãi mê trong ảo tưởng. Cái thế gian mà ta sống đây được xây dựng trên khái niệm sai lạc về cái “Ta”. Đức Phật dạy nên diệt bỏ khái niệm ấy. Tất cả những sinh hoạt của thế gian, tất cả những lợi lộc của thế gian đều dính liền với ý niệm căn bản ấy. Người nào từ khước lối sống của phần đông bị coi là phản xã hội. Lánh xa là từ khước lối sống của phần đông. Người trí tuệ có cần phải đổi thái độ không?

VẮNG LẶNG

Cũng như ở giữa dòng đại dương thì không có sóng gió.

Tất cả đều yên lặng.

Này hỡi các tỳ khưu, hãy giữ tâm bình thản;

Không nên để tính ngã mạn chi phối.

Tuvataka Sutta

Sâu dưới lòng đại dương, nơi mà biển thật là sâu, ở nửa cây, một cây, hai cây số cách xa mặt nước, tất cả đều yên lặng. Không sóng gió. Không bão bùng. Ở đây không có những phiền phức, những xáo động âm ĩ như ở phía trên.

Trạng thái của những vị đã hoàn toàn giải thoát cũng dường thế ấy. Những vị ấy đã đạt đến mức vắng lặng cùng tột. Các vị ấy không còn bị xáo động âm ĩ, phiền phức, không còn lo âu sợ sệt, không còn ham muốn, thèm thuồng những sinh hoạt vô lý của thế gian.

Trong câu Pháp Cú trên, Đức Phật khuyên như các vị tỳ khưu nên sống yên tĩnh. Lời khuyên này vẫn thích hợp với hàng cư sĩ. Mặc dầu người thế gian chúng ta chưa đạt đến trạng thái vắng lặng hoàn toàn, nếu cố gắng luyện tâm được thanh tịnh thì ta cũng có thể, đến mức độ nào, chứng nghiệm được cái bóng lu mờ của sự vắng lặng ấy.

Tại sao phải tập luyện để giữ tâm thanh tịnh? Câu trả lời rất là giản dị. Trong khi di chuyển, ta không thể nhận định rõ ràng những chuyển động ở quanh ta. Hai chiếc xe chạy song song cùng một tốc độ, một chiều hướng, ngồi trong xe ta có cảm tưởng như cả hai chiếc đều dừng lại. Trái lại, cây cối hình như chuyển động. Cảm tưởng của ta về cảnh vật xung quanh luôn luôn bị sự di chuyển của chính ta chi phối. Tâm của ta cũng vậy.

Khi tâm bị xáo động thì khó mà nhận định được những chân lý cao thâm và vĩnh viễn. Chấp nhận là vững bền, những pháp luôn luôn biến đổi. Trái lại, các pháp thật sự trường cửu, như những chân lý vô thường, khổ não, vô ngã (*Anicca, Dukkha, Anatta*) thì không hề nhận ra. Tâm của ta mãi bận rộn với những hiện tượng luôn luôn biến đổi, luôn luôn bị phiền phức, không thể nhận định rõ ràng và không thể thấu triệt chân lý.

Vì thế Đức Phật khuyên nên giữ tâm yên lặng. Toàn thể những đề mục mà Ngài dạy ta quán tưởng đều nhằm vào mục đích làm cho tâm yên lặng (*Samatha bhavana*). Khi mọi tư tưởng trần tục đều được gội rửa, tâm an trụ gom vào một đề mục thiền định (*Kammatthama*) và trở nên vắng lặng. Tâm lực càng ngày càng hùng mạnh, đến mức độ có thể phát triển thần thông như Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm thông, Túc mạng minh... Tuy nhiên những năng lực ấy chỉ là sản phẩm phụ của thiền *Samatha Bhavana*. Mục đích duy nhất của thiền này là làm cho tâm trở nên vắng lặng. Sự vắng lặng đem lại quan kiến rõ ràng, sáng suốt, sâu sắc và chân thật.

Người cư sĩ thường bị trở ngại trong đời sống hàng ngày. Phần lớn các trở ngại ấy không phải là những phận sự xã hội, mặc dầu công việc này chiếm mất rất nhiều thì giờ. Trở ngại quan trọng nhất là sự lo âu sợ sệt. Ta thường lo âu về những việc đã làm, đang làm mà những việc mà ta dự định sẽ làm. Ta sợ cho những điều đã hay đang xảy ra và những điều có thể sẽ xảy ra. Đức Phật dạy rằng những lo âu sợ sệt ấy là vô ích và điên cuồng.

Làm thế nào để chặn đứng nó? Một hình ảnh thích hợp có thể giúp ta. Trong những lúc lo âu ta hãy hình dung cảnh vắng lặng ở giữa lòng đại dương.

NHIỆT TÂM

*Nầy hỡi các tỳ khuru,
Như Lai ân cần nhắc nhở các thầy.
Tất cả các pháp đều vô thường.
Với tâm đạo nhiệt thành,
Hãy cố gắng đạt đến mục tiêu.*

Maha Parinibbana Sutta

Đó là lời dạy tối hậu của Đức Phật. Những lời giản dị, rõ ràng, thẳng thắn, đưa ngay vào đề. Ngài đã trải qua vô lượng kiếp sống, tự trau dồi, tiến đến mức toàn thiện, để rồi dạy chúng sanh một lần cuối cùng, con đường thoát ra khỏi sự đau khổ. Trong kiếp sống cuối cùng của vòng luân hồi, Đức Phật đã dành tất cả năng lực hùng hậu của Ngài để dắt dẫn chúng sanh, không bao giờ tiếc công, không bao giờ gát lại ngày mai những gì có thể làm hôm nay. Và sau cùng, trong giờ phút tối hậu của một kiếp sống vô cùng vinh quang rực rỡ, đó là lời dạy của Ngài. Tất cả giáo lý của Ngài nằm vón vện trong câu phật ngôn ấy. Mọi người phật tử đều có thể coi đó là cái tinh hoa của Phật Giáo và lấy đó làm phương châm cho việc tu học.

Nếu so với Đức Phật và chư vị A La Hán thì chúng ta quả là thật yếu kém. Phần đông chúng ta quan niệm rằng đời sống đáng được ưa thích và chúng ta luyện ái, bám bấu lấy nó, chúng ta muốn sống, ham sống. Ta cũng đọc đi, lập lại những lời của Đức Phật và yên trí là đang đi theo dấu chân Ngài. Nhưng bất hạnh thay! Hành động của ta còn thiếu nhiệt thành, cố gắng của ta không do đạo tâm trọn vẹn làm nòng cốt. Một cách thâm thúy chúng ta còn thiếu những yếu tố cần thiết để thành công. Chúng ta cũng tựa như những người nối đuôi nhau nhẩn nại đứng chờ xe buýt. Chuyến xe “Phật Gotama” vẫn chưa thấy đến. Chúng ta vẫn còn mong đợi, kẻ trước người sau, sắp thành hàng dài và, để

tiêu khiển thì giờ, chúng ta đem những chuyện xe cộ, những vấn đề tổ chức xe buýt ra bàn nhảm, nói khào. Chúng ta đang chờ đợi để bỏ ra vài đồng tiền, mua lấy cái vé đi Niết Bàn và, khỏi cần phải cố gắng tí ti nào, ta chỉ nhẩn nại chờ Đức Phật Di Lạc đến, đưa ta đi với đầy đủ tiện nghi. Trên thế gian này không có gì khuyến khích ta rảo bước trên đường.

Nhưng thảm đạm thay, những công tác phật sự không phải là một loại xe buýt hay một phương tiện di chuyển có thể đưa ta đến Niết Bàn. Chư Phật chỉ là những vị hướng đạo, theo ý nghĩa đầy đủ và cao quý nhất của danh từ. Các Ngài dẫn dắt chúng ta trên “Con Đường Giải Thoát”. Giáo Pháp của Đức Phật Gotama vẫn còn tồn tại. Nếu chúng ta không thể lãnh hội và bắt đầu cố gắng lên đường, tiến dần đến mục tiêu, thì dẫu có mong đợi Đức Phật Di Lạc cũng vô ích, vì Ngài sẽ ban cho ta một giáo pháp y hệt. Lời dạy của Đức Phật rất là rõ ràng, không thể rãnh rễ hơn nữa. Nếu có một điều gì thiếu sót thì sự thiếu sót ấy do chính nơi ta.

Vậy bây giờ ta phải làm gì? Trước tiên, đứng về phương diện tinh thần, ta không nên đứng chờ ở bến xe. Ta phải nhận định rằng đạo quả Niết Bàn chỉ có thể thành tựu với sự tinh tấn riêng của mỗi người chớ không phải là một cảnh thiên đàng mà có một vị Phật nào có thể đưa ta đến. Đức Phật có rất nhiều oai lực, nhiều hơn tất cả chúng sanh, nhưng Đức Phật không thể thành tựu đạo quả Niết Bàn cho ta. Mỗi chúng sanh phải tự lực đạt lấy cứu cánh của mình.

Đã nhận định như vậy, ta phải tức khắc lên đường, từ ở đây, từ giờ phút này, theo đúng lời dạy của Đức Phật và thành thật, cố gắng, ghép mình vào một nếp sống khả dĩ đưa đến đạo quả Niết Bàn. “*Hãy cố gắng với một tâm lòng nhiệt thành*”. Đức Phật dạy như vậy. Ta hãy học lấy tâm lòng. Ta hãy nghiêm trì giới hạnh với một tâm lòng nhiệt thành. Hãy hành các Pháp Ba-La-Mật

với tấm lòng nhiệt thành. Với một tấm lòng nhiệt thành ta hãy giữ tâm vắng lặng và trong sạch, theo đúng phương pháp mà Đức Phật đã dạy.

Hãy tận dụng những cơ hội mà ta đang có, ở đây và trong hiện tại.

HẾT